TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2020/QĐST-DS	*TP Thanh Hoá, ngày 27 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17/7/2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2020/TLST - DS ngày 21 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Địa chỉ: Số 89 L, phường Láng H, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ¤ng L³ Ngäc V, «ng L³ Thỗ §, «ng Nguyôn Chỷ T - Chuy³n vi³n xö lý nî.

(V¨n b¶n ñy quyòn sè 4670/2019/UQ-VPB ngµy 20/6/2019)

- Bị đơn: Anh Phạm Đắc T, sinh năm 1967.

Chị Lê Thị T1, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Phố 5, phường Đông C, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 14/3/2017, giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T - chi nhánh Thanh Hóa và anh Phạm Đắc T, chị Lê Thị T1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 12322683 cho anh T và chị T1 vay số tiền 350.000.000 đồng. Đến ngày 09/6/2017, tiếp tục ký giấy vay tiêu dùng để anh T, chị T1 vay số tiền 48.000.000 đồng. Ngày 25/02/2017, hai bên ký giấy vay mở thẻ quốc tế cho anh T và chị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng.

Tính đến ngày 17/7/2020, anh T và chị T1 còn nợ ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng số tiền: 510.358.216 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc quá hạn: 331.565.116 đồng; Số tiền nợ lãi trong hạn: 11.656.876 đồng; Số tiền nợ lãi quá hạn: 147.688.725 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 19.447.499 đồng.

Cụ thể từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 12322683 ngày 14/3/2017:

Nợ gốc quá hạn: 274.170.969 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 2.416.307 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 107.166.127 đồng;

Tiền lãi chậm trả: 15.764.809 đồng.

- Giấy vay tiêu dùng ngày 09/6/2017:

Nợ gốc quá hạn: 39.193.772 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 543.773 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 24.182.227 đồng;

Tiền lãi chậm trả: 3.682.690 đồng.

- Giấy vay mở thẻ quốc tế tiêu dùng ngày 25/02/2017:

Nợ gốc quá hạn: 18.200.375 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 8.696.796 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 16.340.371 đồng;

Tiền lãi chậm trả: 0 đồng.

Hai bên thống nhất số nợ nêu trên anh T và chị T1 sẽ trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T chia làm các kỳ cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Ngày 31/8/2020: Trả 50.000.000đ tiền gốc;

- Kỳ 2: Ngày 30/9/2020: Trả 50.000.000đ tiền gốc;

- Kỳ 3: Ngày 30/10/2020: Trả 231.565.116 đồng tiền gốc + 11.656.876 đồng tiền lãi trong hạn + 147.688.725 đồng tiền lãi quá hạn và 19.447.499 đồng tiền lãi chậm trả.

Từ ngày 18/7/2020, anh T và chị T1 tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 12322683 ngày 14/3/2017 và Giấy vay tiêu dùng ngày 09/6/2017, Giấy vay mở thẻ quốc tế tiêu dùng ngày 25/02/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, lãi trên nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Nếu đến kỳ trả nợ, anh T và chị T1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ bất kỳ một kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 12322683 ngày 14/3/2017 đã

ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T với anh T và chị T1, đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phố 5, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 31, đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 733232 ngày 29/12/2014 mang tên anh Phạm Đắc T và chị Lê Thị T1 để thu hồi toàn bộ số nợ còn lại.

- Về án phí: Anh Phạm Đắc T và chị Lê Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 12.207.000 đồng (đã làm tròn).

Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.239.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001032 ngày 19/5/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Phương